

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030
và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030; Quyết định 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây gọi tắt là Chiến lược*);

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án "Nâng cao năng lực ngành y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030";

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, dân tộc, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam nói chung và người dân tỉnh Tuyên Quang nói riêng.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 20% vào năm 2025 và dưới 10% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phần đạt 90% ở khu vực thành thị và 80% ở khu vực nông thôn vào năm 2030.

- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 90% ở tuyến tỉnh; 75% đối với tuyến huyện vào năm 2025 và phần đầu đạt 100% ở tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến huyện vào năm 2030.

- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 02 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

b) Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20% (khu vực miền núi dưới 23%) vào năm 2025 và dưới 16% (khu vực miền núi dưới 20%) vào năm 2030.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 05 tuổi giảm xuống dưới 5% (khu vực miền núi dưới 6,5%) vào năm 2025 và dưới 3% (khu vực miền núi dưới 5%) vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2-2,5 cm đối với nam và 1,5-2 cm đối với nữ so với năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 06 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.

c) Tỷ lệ thừa cân béo phì được kiểm soát

- Trẻ em dưới 05 tuổi ở mức dưới 10% (khu vực thành phố ở mức dưới 11% và khu vực nông thôn ở mức dưới 7%); trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 19% (khu vực thành phố ở mức dưới 27% và khu vực nông thôn ở mức dưới 13%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 17%) vào năm 2025 và duy trì ở mức đó đến năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) giảm xuống dưới 08 gam/ngày vào năm 2025 và dưới 07 gam/ngày vào năm 2030.

d) Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ

- Duy trì tỷ lệ trẻ 06-36 tháng uống Vitamin A đạt trên 98%.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ phụ nữ sau sinh trong vòng 01 tháng được uống Vitamin A đạt trên 60% đến năm 2025.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai bổ sung đa vi chất dinh dưỡng đạt trên 70% vào năm 2025 và đạt trên 80% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 23% vào năm 2025 và 22% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em nữ 10-14 tuổi ở khu vực miền núi giảm xuống dưới 10% đến năm 2025 và dưới 9% đến năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi giảm xuống dưới 12% vào năm 2025 và dưới 10% vào năm 2030.

- Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống giảm xuống dưới 60% vào năm 2025 và dưới 50% vào năm 2030”.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày tăng lên trên 80% vào năm 2025 và trên 90% vào năm 2030.

đ) Về nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp và tăng cường nguồn lực thực hiện Chiến lược

- Đảm bảo ngân sách địa phương hàng năm cho kế hoạch ứng phó khẩn cấp về dinh dưỡng trong tình huống có thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu xảy ra.

- Phân bổ ngân sách địa phương cho các hoạt động dinh dưỡng theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng

- Rà soát, kiến nghị bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về thực hiện dinh dưỡng hợp lý, nhất là can thiệp dinh dưỡng tại vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai tuyên truyền, phổ biến, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dinh dưỡng đối với thực phẩm ngay khi Trung ương ban hành; hạn chế quảng cáo đối với thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ em.

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 05 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

2. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng từ tỉnh đến huyện, thành phố; chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng¹.

- Huy động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia triển khai chiến lược. Khuyến khích các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp tham gia thực hiện chiến lược thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng; bảo đảm dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, thực hiện đúng các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

¹. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh, xã hội, phấn đấu đạt các mục tiêu về xóa đói, giảm nghèo, tạo tiền đề và nền tảng vững chắc trong việc cải thiện điều kiện dinh dưỡng cho người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi

- Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong việc đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình tại các khu vực nông thôn và miền núi, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

- Hỗ trợ, lồng ghép thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh để xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh về sản xuất, nuôi, trồng nông sản, lâm sản, thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, vùng trồng cây thuốc nam ... tạo ra hàng hóa có giá trị đem lại thu nhập cho người dân, đồng thời cũng bảo đảm an ninh lương thực, bảo đảm tự cung, tự cấp những sản phẩm thực phẩm (thịt, cá, trứng, rau, củ, quả ...), bảo đảm không còn hộ dân nghèo thiếu đói, từ đó cải thiện điều kiện dinh dưỡng cho trẻ em và người dân.

4. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, miền và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Chú trọng giáo dục về kỹ năng mềm, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng cường thời lượng truyền thông, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, hệ thống kênh phát thanh trực tuyến, mạng xã hội, các nền tảng truyền thông kỹ thuật số.

5. Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn bản ở tuyến y tế cơ sở; chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng.

- Nâng cao năng lực giảng dạy, đào tạo về dinh dưỡng cho đội ngũ giảng viên tuyến tỉnh. Nâng cao chất lượng nội dung đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về công tác dinh dưỡng tại cộng đồng, trường học và bệnh viện.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các các chương trình, đề án, kế hoạch đã triển khai thực hiện.

6. Tăng cường chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng

a) Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng

- Phổ biến về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các quy định, hướng dẫn về nhãn thực phẩm, nhãn dinh dưỡng; tăng cường giáo dục, tư vấn cho người dân để tạo nhu cầu sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng.

- Xây dựng các kế hoạch, mô hình nông nghiệp dinh dưỡng, hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình.

b) Tăng độ bao phủ và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu

- Xây dựng, triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, mô hình can thiệp phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến. Tăng cường triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề.

- Đẩy mạnh việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào các sản phẩm thực phẩm sản xuất tại địa phương. Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng. Giám sát thực thi các quy định về thực phẩm bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Tăng cường hệ thống thực phẩm tại chỗ an toàn, đa dạng, giàu dinh dưỡng và bền vững đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng tại mọi vùng miền, đặc biệt trong khu vực bị thiên tai, dịch bệnh.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thông qua việc xây dựng, chuẩn hóa các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật cho các nhóm can thiệp dinh dưỡng.

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, nông thôn mới, giảm nghèo, bảo trợ xã hội để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

c) Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao, lồng ghép trong các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa và xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông và tổ chức truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, bảo đảm đa dạng thực phẩm (*đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường*).

- Xây dựng cơ chế phối hợp, liên kết giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh; thông tin cho phụ huynh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh trong trường học.

d) Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Xây dựng và triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện như thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

đ) Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp

- Xây dựng hợp phần bảo đảm dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của địa phương.

- Nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho cán bộ các cấp và các ban, ngành liên quan.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cộng đồng và trong bệnh viện tại các địa phương bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

7. Áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm phù hợp cho người dân tại địa phương. Tăng cường phát triển kỹ thuật và mô hình ứng dụng khoa học công nghệ cao phục vụ công tác dinh dưỡng.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng trên phạm vi toàn tỉnh.

9. Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế về dinh dưỡng. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, đào tạo và kỹ năng quản lý trong công tác dinh dưỡng với các vụ, viện, tổ chức quốc tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu kinh phí: **21.249** triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 19.553 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 1.696 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01 kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của ngành y tế; hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn tỉnh. Giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chiến lược theo quy định. Tổ chức sơ kết vào cuối năm 2025 và tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2030.

- Chủ trì tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với các Bộ, ngành Trung ương liên quan để huy động nguồn lực thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án can thiệp như: Thực hiện dinh dưỡng và khẩu phần ăn hợp lý, cải thiện dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng học đường, dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề, dinh dưỡng phòng chống yếu tố nguy cơ và bệnh mạn tính không lây, dinh dưỡng tiết chế tại bệnh viện, dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp; các chương trình, dự án về dinh dưỡng và an ninh thực phẩm khác.

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện đề trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách thúc đẩy công tác dinh dưỡng như thực hiện can thiệp dinh dưỡng sớm, trong thời gian ngắn, trong tình huống khẩn cấp; bảo đảm nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ phù hợp cho cán bộ làm công tác dinh dưỡng. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chuyên môn khoa học cơ bản về dinh dưỡng; xây dựng tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe, hướng dẫn về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi, địa phương, vùng miền, dân tộc và tổ chức tại cộng đồng, bệnh viện.

- Áp dụng các giải pháp, mô hình can thiệp phòng, chống bệnh liên quan đến dinh dưỡng, xây dựng các kỹ thuật, công cụ trong giám sát, theo dõi chỉ tiêu dinh dưỡng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh.

- Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, quản lý căng tin trường học, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, đồ uống có đường và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học và bên cạnh trường học theo quy định.

- Chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng hợp lý cho học sinh theo Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình "Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025.

3. Ban Dân tộc

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu thực hiện Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, đề án, dự án cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng.

- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các chương trình, đề án đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì triển khai bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm hộ gia đình đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.

- Tham mưu lồng ghép mục tiêu dinh dưỡng vào các chương trình đang thực hiện như: Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình không còn nạn đói ở Việt Nam đến năm 2025.

- Tham mưu lồng ghép hoạt động ứng phó dinh dưỡng khẩn cấp trong kế hoạch chuẩn bị ứng phó với thiên tai, sẵn sàng cung cấp thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng cho những khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan trong việc kiểm soát, kiểm tra quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Chiến lược lồng ghép với Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

8. Sở Công Thương

- Thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm thực phẩm tăng cường bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm lành mạnh.

- Tăng cường quản lý về sản xuất, kinh doanh các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe thuộc lĩnh vực quản lý.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở y tế và cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đề xuất, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dinh dưỡng đối với thực phẩm sản xuất tại địa phương.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu đưa một số chỉ tiêu dinh dưỡng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh.

11. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Y tế căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu, đề xuất bố trí kinh phí cho các sở, ban, ngành để thực hiện Chiến lược đối với các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách.

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực dinh dưỡng.

12. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan trong việc đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về dinh dưỡng tại địa phương.

13. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về dinh dưỡng hợp lý trong các chuyên trang, chuyên mục; đẩy mạnh tuyên truyền việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội phối hợp với ngành y tế, ngành giáo dục, ngành nông nghiệp, các ban, ngành liên quan và chính quyền địa phương tham gia tổ chức triển khai; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chiến lược, gắn với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*"; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách nhằm bảo đảm việc thực thi Chiến lược và các chương trình hành động dinh dưỡng đạt hiệu quả.

15. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch hành động tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người dân hằng năm, đưa các chỉ tiêu dinh dưỡng đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách địa phương để thực hiện mục tiêu của Chiến lược, trong đó ưu tiên xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã vùng sâu, vùng xa, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng với các chiến lược, chương trình, đề án, dự án khác có liên quan trên địa bàn.

- Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Chiến lược; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác dinh dưỡng theo quy định.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược tại địa phương.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện trước 25/12 (qua Sở Y tế để tổng hợp). Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế để tổng hợp) chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện Dinh dưỡng Quốc gia;
- Các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (VB.45).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương